

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày 24-01-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hoài Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Vinh;

+ Bà Hồ Thị Hải Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tường Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 13/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1974 và bà Trần Thị N, sinh năm 1974;

Cùng cư trú: Khu phố B, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị, đều có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Ngọc N và bà Mai Thị H;

Cùng cư trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/11/2021 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trần Văn D và bà Trần Thị N trình bày:

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 ông Hoàng Ngọc N và bà Mai Thị H có vay của ông Trần Văn D bà Trần Thị N số tiền 280.000.000đồng; thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 13/7/2017 với lãi suất theo thỏa thuận là tương đương lãi suất cho vay của Ngân hàng A tại thời điểm tương ứng là 0,83%/tháng. Theo thỏa thuận thì đến ngày 13/7/2020, ông Hoàng Ngọc N và bà Mai Thị H phải thanh toán toàn bộ gốc

và lãi, từ đó đến nay ông N không trả tiền gốc mà chỉ trả tiền lãi nhiều lần tổng cộng 53.000.000đồng. Thời điểm năm 2017 khi ông N vay mượn tiền thì bà H không có mặt để ký vào giấy vay tiền mà ông N ký sau đó một thời gian thì đưa giấy vay tiền lại cho ông D và bà N có chữ ký bà Huệ. Do đó việc vay mượn này theo ông D, bà N chỉ giao dịch với ông N còn bà H có ký thì cũng không có trách nhiệm gì trong việc vay mượn này nên tại phiên tòa hôm nay ông D và bà N xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với xác định tư cách bị đơn đối với bà H và yêu cầu khởi kiện buộc ông Hoàng Ngọc N phải có trách nhiệm trả hết số tiền gốc là 280.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 24/01/2022 là 94.574.000đồng với lãi suất 0,83%/tháng (147.574.000đồng – 53.000.000đồng tiền lãi đã trả).

(Trong đó: Tiền lãi được tính từ ngày 13/7/2017 đến 13/7/2020 là $280.000.000\text{đồng} \times 0,83\% \times 36 \text{ tháng} = 83.664.000\text{đồng}$; tiền lãi phạt quá hạn từ 14/7/2020 đến 24/01/2022 là 18 tháng 10 ngày; $280.000.000\text{đồng} \times 0,83\% \times 150\% \times 18 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 63.910.000\text{đồng}$) trừ 53.000.000đồng tiền lãi đã trả. Tổng cộng 374.574.000đồng trong đó 94.574.000đồng tiền lãi và 280.000.000đồng tiền gốc.

Theo bản trình bày ý kiến ngày 20/01/2022 của bà Mai Thị H và ông Hoàng Ngọc N:

Bà Mai Thị H trình bày: Việc ông Trần Văn D và bà Trần Thị N buộc bà H và ông Hoàng Ngọc N trả số tiền gốc 280.000.000đồng và tiền lãi phát sinh thì bà Huệ không đồng ý. Bởi vì năm 2008 ông N và ông Nguyễn Văn T, ở khối M, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị cùng thành lập Công ty TNHHXD H và trúng thầu Công ty thủy điện L tại xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Ông N làm ở H, còn bà H làm nông và buôn bán tại C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy mọi việc vay mượn giữa ông Hoàng Ngọc N và vợ chồng ông D và bà N, bà H không biết và bà H cũng không ký chữ ký nào về nội dung vay mượn đó.

Ông Hoàng Ngọc N trình bày: Thời điểm đó việc vay mượn tiền giữa ông N với ông Trần Văn D và bà Trần Thị N không liên quan đến bà Mai Thị H là vợ ông N. Do yêu cầu của ông D và bà N nên ông N đã giả chữ ký bà H ký vào giấy vay tiền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Hoàng Ngọc N và bà Mai Thị H vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/11/2021 thì nguyên đơn ông Trần Văn D và bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định bị đơn là ông Hoàng Ngọc N và bà Mai Thị H. Tại văn bản ngày 21/01/2022 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông

D, bà N xin rút yêu cầu xác định bà Mai Thị H là bị đơn, căn cứ vào bản trình bày ý kiến của bà H và ông N ngày 20/01/2022 thì việc vay mượn tiền giữa ông D và bà N với ông N bà H hoàn toàn không biết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 13/7/2017 là của ông N giả chữ ký bà H, nên xác định tư cách bị đơn trong vụ án này là ông Hoàng Ngọc N. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông D, bà N đối với bà Mai Thị H.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Trần Văn D và bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc bị đơn ông Hoàng Ngọc N trả nợ số tiền gốc 280.000.000đồng và tiền lãi 94.574.000đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2017. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bị đơn ông Hoàng Ngọc N cư trú tại thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hoàng Ngọc N được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hợp đồng vay tài sản:

Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 13/7/2017, ông Trần Văn D và bà Trần Thị N có cho ông Hoàng Ngọc N vay số tiền 280.000.000đồng. Các bên thỏa thuận ông N có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi số tiền tối thiểu là 3.000.000đồng/tháng. Đến ngày 13/7/2020 thì ông N phải trả hết số toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho ông Trần Văn D và bà Trần Thị N. Đến nay đã hết thời hạn theo thỏa thuận của hợp đồng vay mà bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ông Hoàng Ngọc N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hợp đồng vay.

[3] Về lãi suất trong hạn:

Theo Hợp đồng vay tiền đề ngày 13/7/2017, các bên có thỏa thuận về việc ông Hoàng Ngọc N phải trả lãi suất vay cho ông D, bà N. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định lãi suất trong hạn là 0.83%/tháng (tương đương 10%/năm). Xét thấy, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là “*lãi suất = NH N^0 %*”. Theo trình bày của nguyên đơn thì các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn được căn cứ dựa trên lãi suất của Ngân hàng N. Tuy nhiên nguyên đơn không xác định lãi suất thỏa thuận là ngắn hạn, trung hạn của ngân hàng tại thời điểm nào. Do đó, điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng vay của các bên là không rõ ràng. Vì vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để xác định lãi suất trong hạn là 0,83%/tháng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận. Số tiền lãi trong hạn

được tính $280.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 36 \text{ tháng (từ 13/7/2017 – 13/7/2020)} = 83.664.000\text{đồng}$. Nguyên đơn xác định ông N đã trả nợ số tiền lãi là $53.000.000\text{đồng}$. Do đó, số tiền lãi mà ông N phải trả cho ông D và bà N là $83.664.000\text{đồng} - 53.000.000\text{đồng} = 30.664.000\text{đồng}$.

[4] Về lãi suất chậm thanh toán:

Theo hợp đồng vay tiền đề ngày 13/7/2017, các bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất chậm thanh toán là 150% của lãi suất 0,83%/ tháng trên số tiền gốc chậm thanh toán. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Lãi suất chậm thanh toán được xác định lãi trong hạn là $0,83 \times 150\%$. Do đó, số tiền lãi chậm thanh toán là $280.000.000\text{đồng} \times 0,83 \times 15\% : 12 \times 18 \text{ tháng 10 ngày (từ 14/7/2020 – 24/01/2022)} = 63.910.000\text{đồng}$.

Tổng số tiền mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng là $280.000.000\text{đồng}$ (nợ gốc) + $30.664.000\text{đồng}$ (lãi suất trong hạn) + $63.910.000\text{đồng}$ (lãi suất chậm thanh toán) = $374.574.000\text{đồng}$.

[5] Về án phí: Ông Hoàng Ngọc N chịu án phí theo quy định của pháp luật là $374.574.000\text{đồng} \times 5\% = 18.728.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D và bà Trần Thị N, buộc ông Hoàng Ngọc N phải trả cho ông Trần Văn D và bà Trần Thị N số tiền $374.574.000\text{đồng}$ trong đó tiền gốc $280.000.000\text{đồng}$ và $94.574.000\text{đồng}$ tiền lãi.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D và bà Trần Thị N đối với bà Mai Thị H.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Ông Hoàng Ngọc N chịu 18.728.000đồng án phí dân sự sơ thẩm; ông Trần Văn D và bà Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Trần Văn D và bà Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.004.650đồng theo biên lai số CC/2014/0002075 ngày 06/7/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Cam Lộ.

3. Ông Trần Văn D và bà Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Hoàng Ngọc N và bà Mai Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Dán án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoài Thủy